

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định các tiêu chí xác định công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải Quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 435/TTr-STC ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc phê duyệt quy định tiêu chí xác định công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản theo Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định các tiêu chí xác định công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP của Chính phủ được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí xác định các công trình, dự án thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Các công trình, dự án thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ phù hợp với tiêu chí được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP của Chính phủ.

Điều 2. Công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được áp dụng theo điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP của Chính phủ về việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024 gồm:

1. Công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công được áp dụng theo cơ chế, chính sách đặc thù tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 66.4/2025/NQ-CP của Chính phủ.

2. Công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư:

a) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Dự án xây dựng nhà ở xã hội.

c) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng có quy mô đầu tư từ 50 ha trở lên.

d) Các công trình, dự án khẩn cấp, cấp bách và các dự án cần triển khai ngay để tạo động lực phát triển kinh tế, thu ngân sách, hoàn thiện hạ tầng giao thông liên vùng, an sinh xã hội, phòng chống thiên tai.

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được thực hiện đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

2. Trường hợp luật, nghị quyết Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới có hiệu lực thi hành thì các quy định tương ứng trong Quyết định này chấm dứt hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các công trình, dự án đang thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP trước ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện, trừ trường hợp luật, pháp lệnh, nghị quyết đó có quy định khác.

4. Việc xác định, tổ chức khai thác tại các mỏ khoáng sản nhằm thực hiện theo cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP của Chính phủ được tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và chỉ đạo của Chính phủ.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan đầu môi) có trách nhiệm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng khoáng sản đặc thù, đảm bảo tuân thủ các quy định về nghĩa vụ tài chính, kỹ thuật an toàn và bảo vệ môi trường.

6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Phú Thọ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- CV NCTH;
- Lưu VT, KT13.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn